

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Nước giải khát Chương Dương

Ngày
15/01/2024

15,500 VNĐ

Thay đổi

1 tháng

3 tháng

6 tháng

6.5%

-5.8%

-0.3%

DT thuần
Q4/23

39.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.6 | 80.7%

YoY: ▼ 10.1 | -20.4%

LN thuần
Q4/23

-36.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 2.10 | -6.2%

YoY: ▼ 23.0 | -172%

LN sau thuế
Q4/23

-45.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 10.4 | -29.3%

YoY: ▼ 32.7 | -249%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023

-73.0%

YoY: +/- ▼ 53.1%

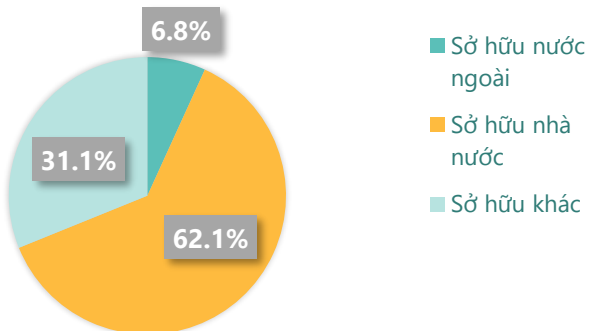
ROE
2023

-249%

YoY: +/- ▼ 212%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,500 - 19,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	131
Số lượng CPLH (CP)	8,477,640
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,900
Sở hữu nước ngoài	6.8%
Beta	(0.16)
EPS	-14,067
P/E	-1.1

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

DT thuần
2023

126

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 43.0 | -25.3%

LN thuần
2023

-107

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 55.7 | -109%

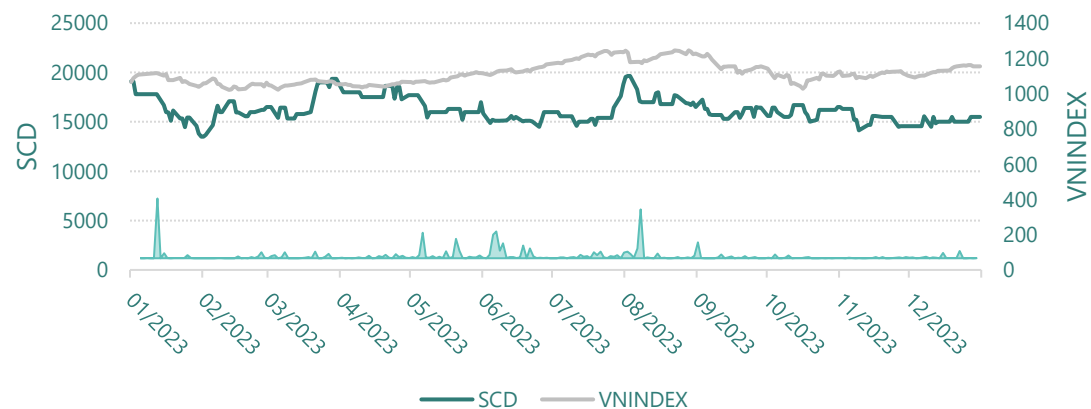
LN sau thuế
2023

-119

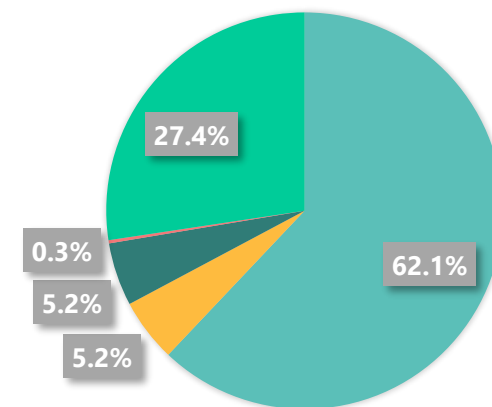
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 70.3 | -145%

Lịch sử giá



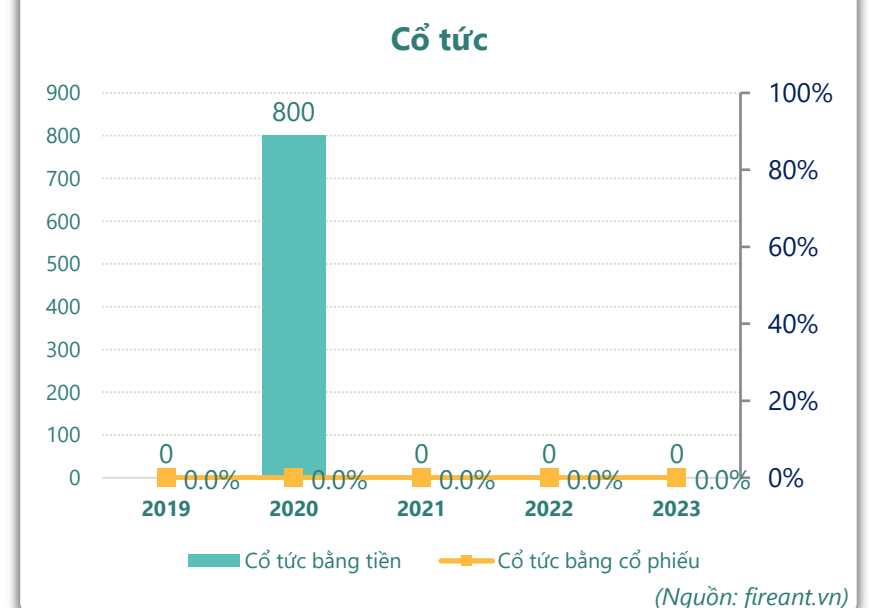
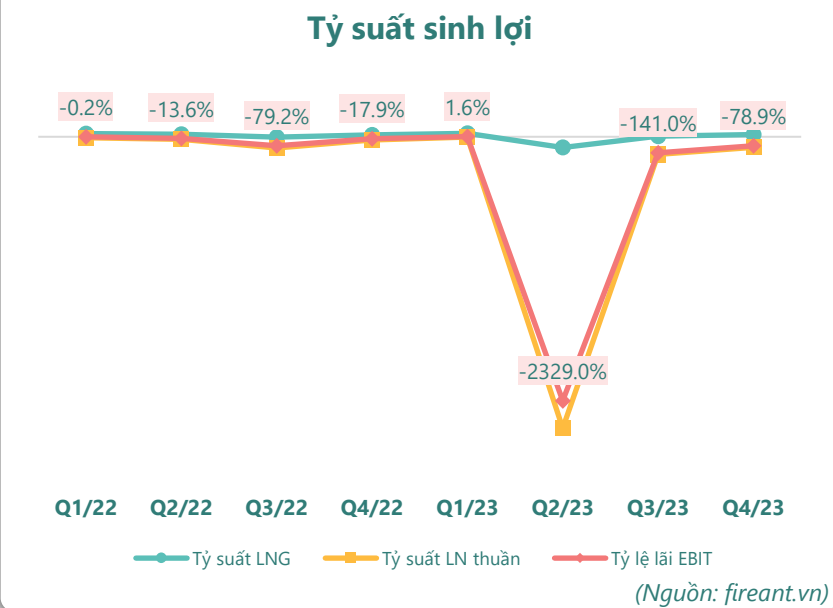
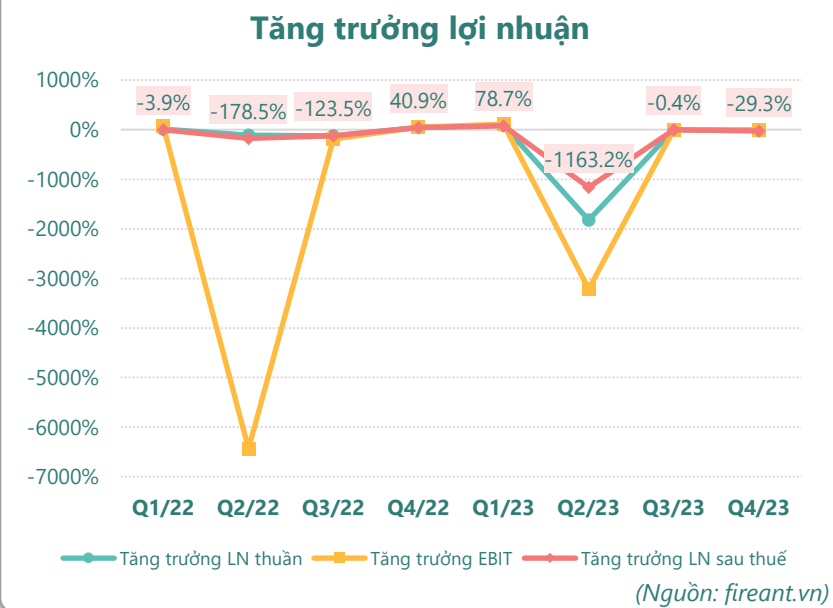
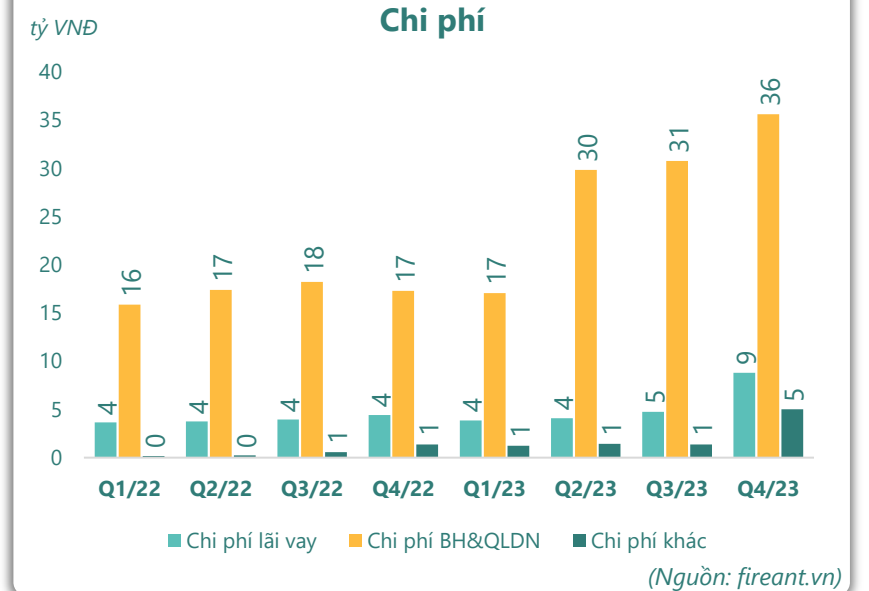
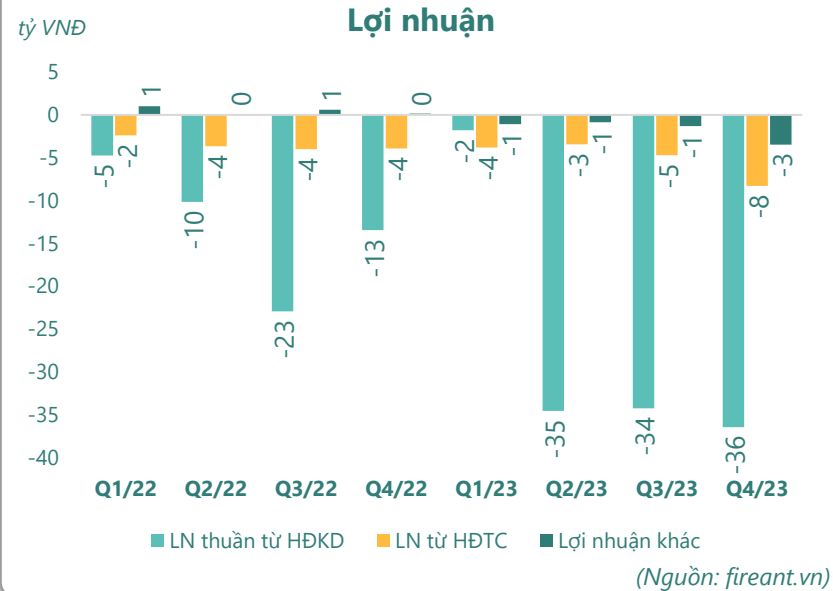
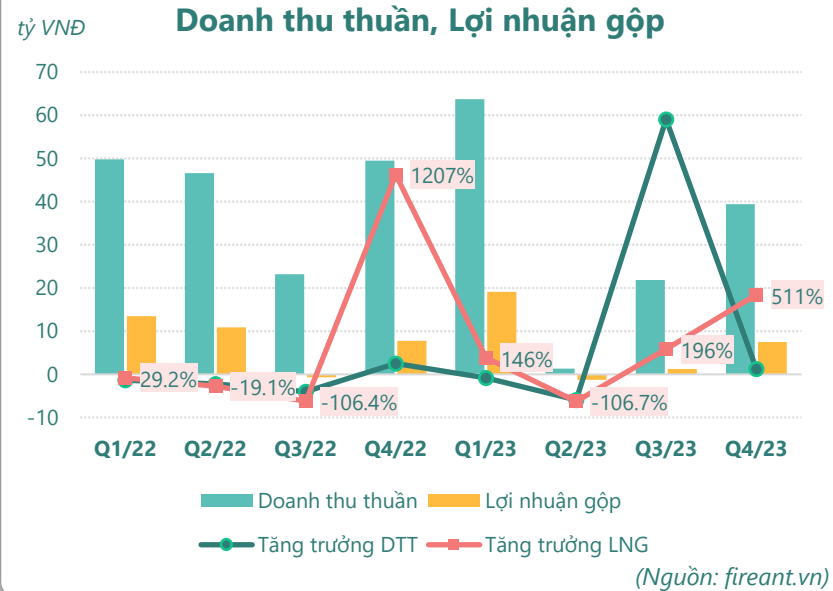
Cơ cấu cổ đông



- Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
- PYN Elite Fund (Non-Ucits)
- Doãn Thiện Tân
- CTCP Nước giải khát Chương Dương
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

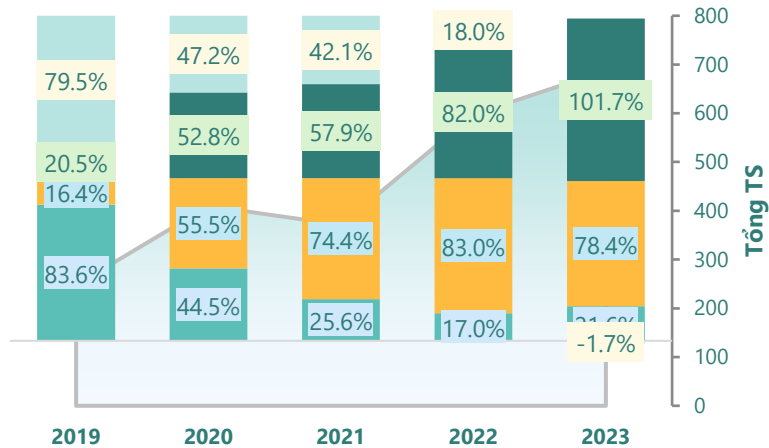
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

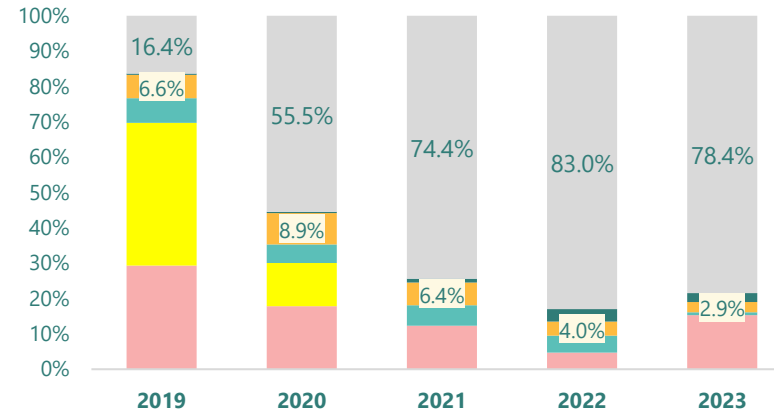
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



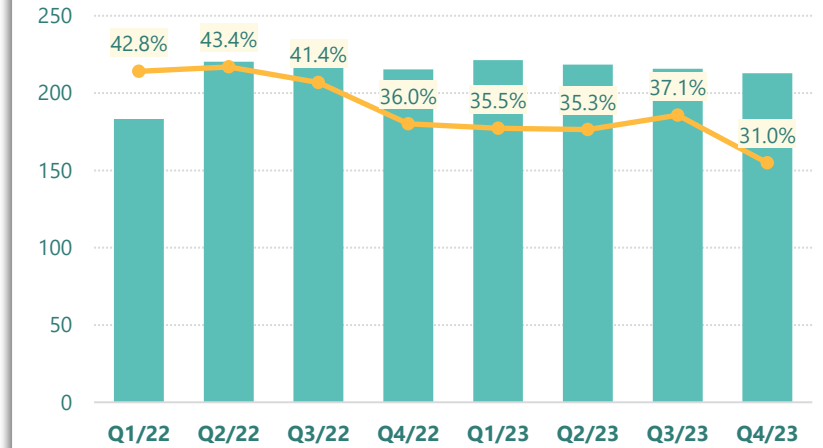
■ Tiền và tương đương tiền ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn

■ Hàng tồn kho ■ Tài sản ngắn hạn khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

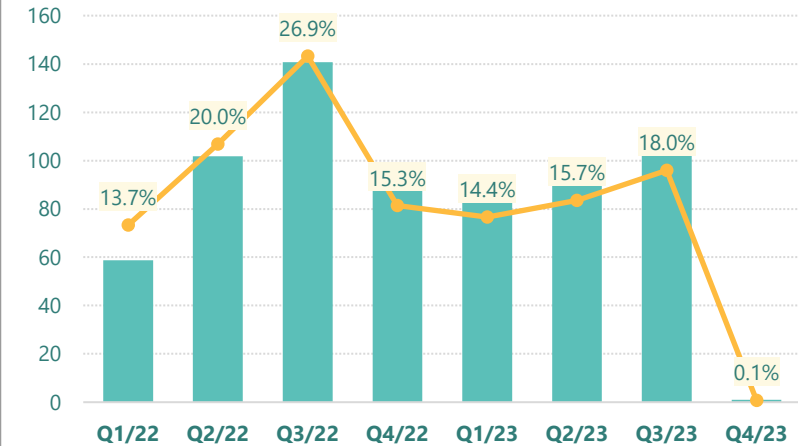


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

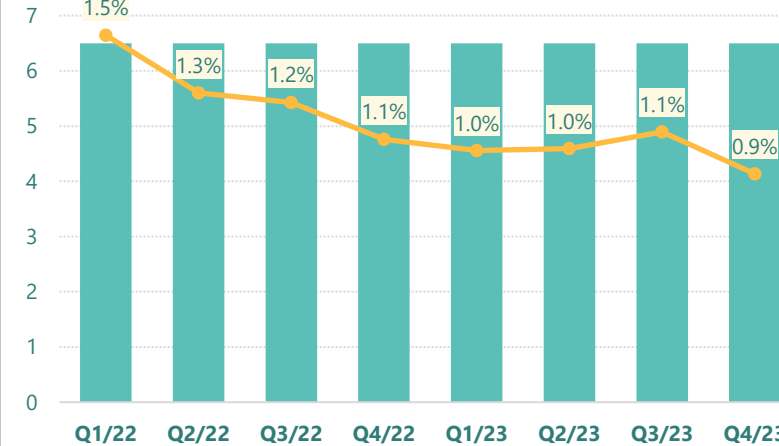


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

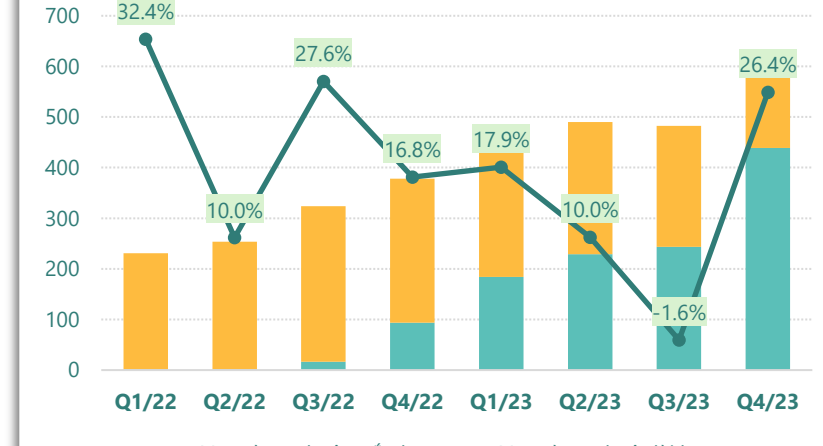


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

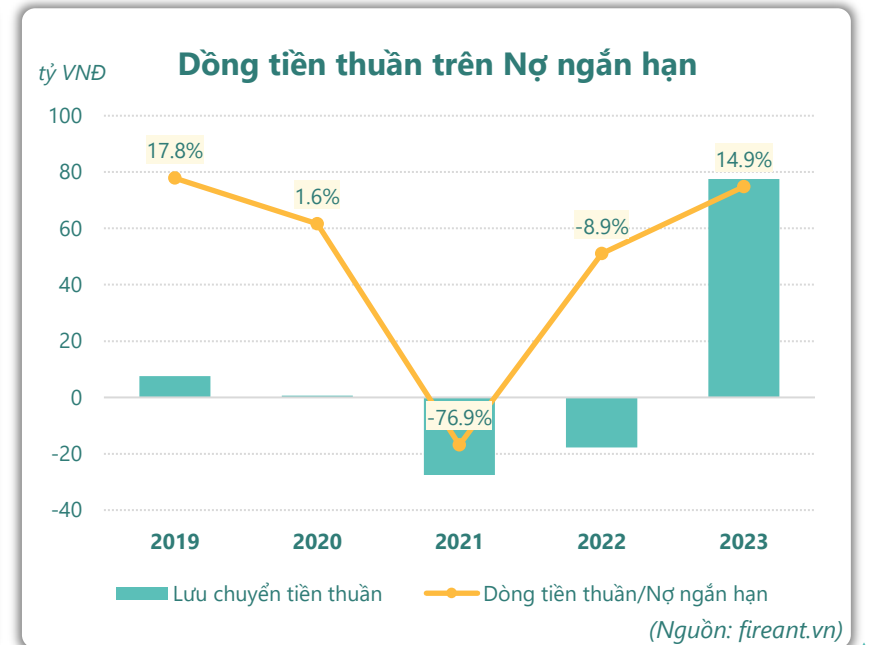
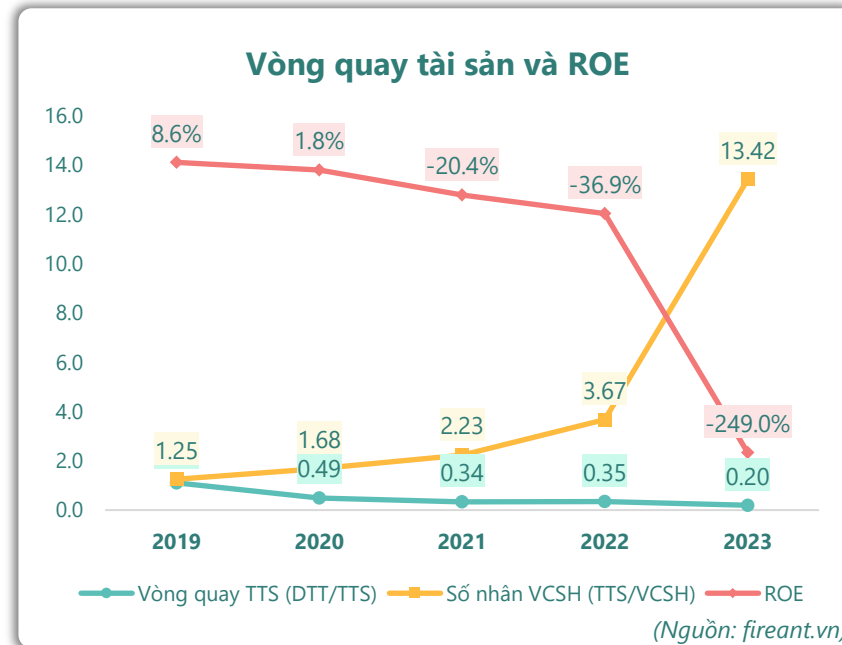
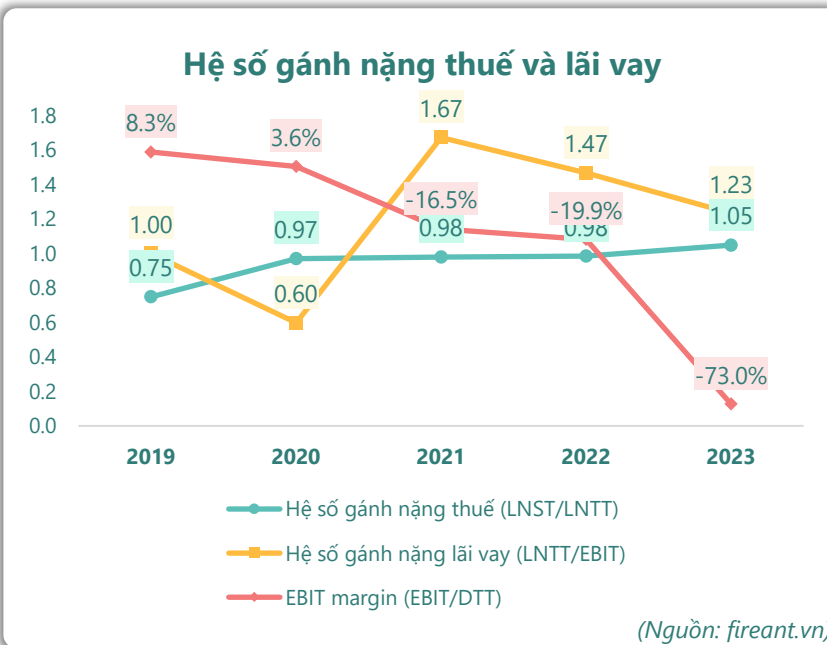
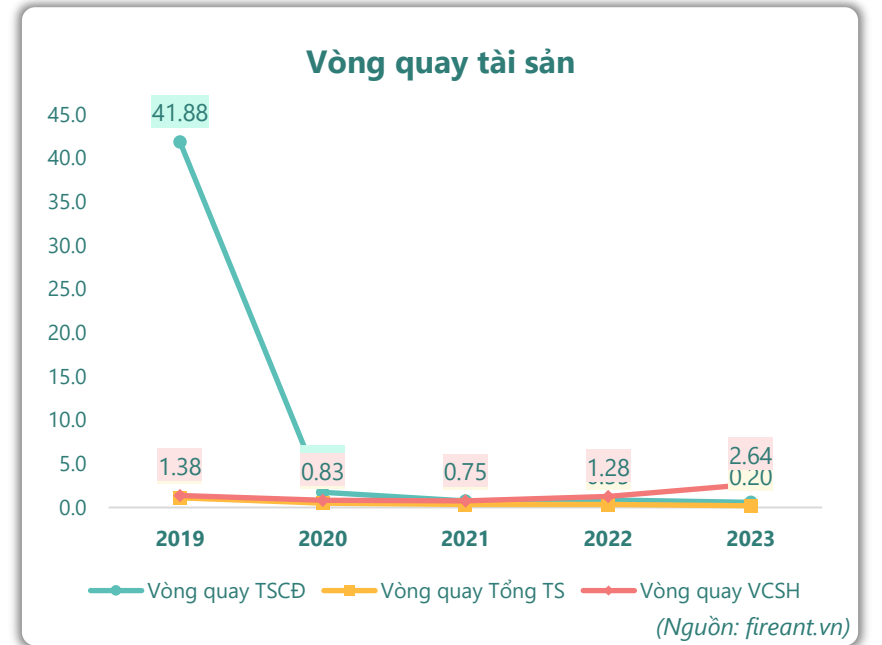
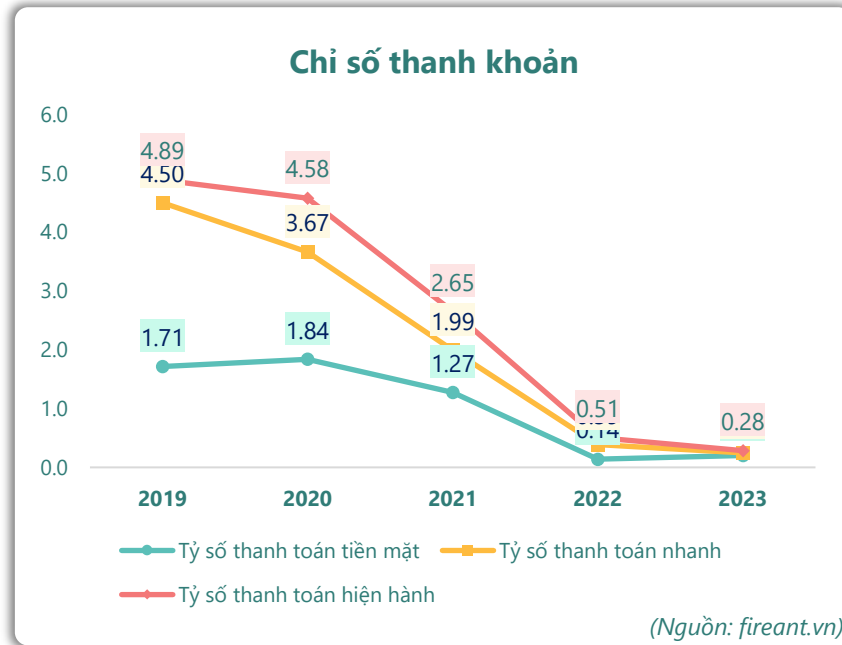
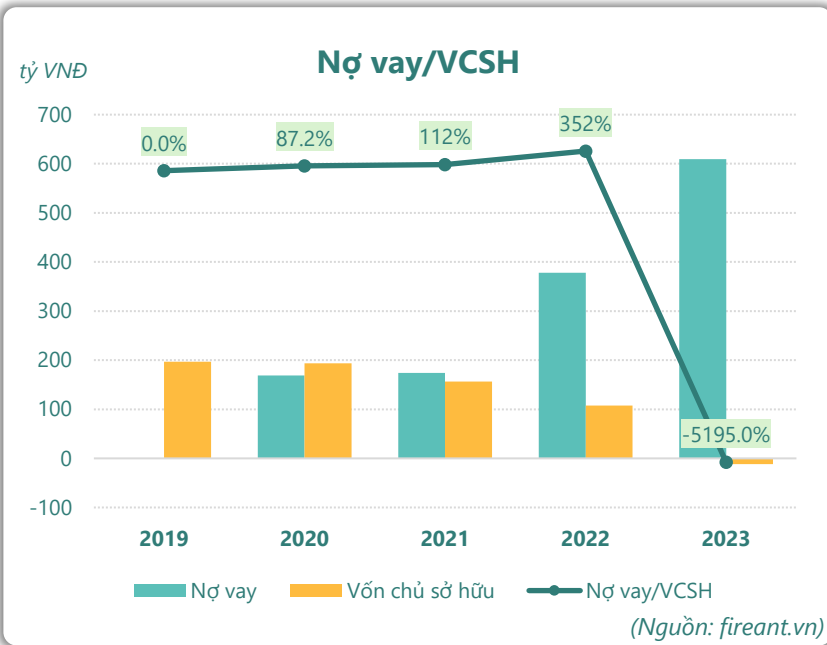


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	39.4	49.5	-20.4%	126	169	-25.3%
Giá vốn hàng bán	31.9	41.7	-23.4%	99.8	138	-27.5%
Lợi nhuận gộp	7.48	7.77	-3.8%	26.5	31.4	-15.7%
Doanh thu HĐTC	0.55	0.57	-3.1%	1.41	1.93	-27.2%
Chi phí TC	8.84	4.48	97.4%	21.6	15.9	36.1%
Chi phí lãi vay	8.79	4.41	99.4%	21.5	15.8	36.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	25.4	11.3	125%	85.2	43.0	97.9%
Chi phí QLDN	10.2	5.96	71.1%	28.2	25.7	9.3%
LN thuần từ HĐKD	-36.4	-13.4	-172%	-107	-51.3	-109%
Lợi nhuận khác	-3.45	0.15	-2403%	-6.66	1.83	-464%
LN trước thuế	-39.9	-13.3	-200%	-114	-49.4	-130%
Lợi nhuận sau thuế	-45.8	-13.1	-249%	-119	-48.7	-145%
LNST của CĐ cty mẹ	-45.8	-13.1	-249%	-119	-48.7	-145%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-83.7	-36.1	-52.7	6.69	-13.2	-17.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.56	0.10	-66.6	0.06	0.25
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	70.2	54.6	68.0	44.2	-7.62	116
Tiền đầu kỳ	22.2	8.76	27.9	43.3	27.5	6.72
Lưu chuyển tiền thuần	-13.5	19.1	15.4	-15.8	-20.8	98.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0	0.03
Tiền cuối kỳ	8.76	27.9	43.3	27.5	6.72	105

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	688	597	15.1%
Tài sản ngắn hạn	148	102	45.8%
Tiền và tương đương tiền	105	27.9	278%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	5.50	28.8	-80.9%
Hàng tồn kho	19.7	24.0	-17.9%
Tài sản ngắn hạn khác	17.7	21.1	-16.2%
Tài sản dài hạn	539	496	8.8%
Phải thu dài hạn	7.01	7.00	0.1%
Tài sản cố định	213	215	-1.1%
Bất động sản đầu tư	252	113	122%
Tài sản dở dang	0.97	91.2	-98.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.50	6.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	60.5	62.4	-3.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	699	490	42.8%
Nợ ngắn hạn	521	200	161%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	439	93.6	369%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.5	93.9	-77.1%
Nợ dài hạn	178	290	-38.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	171	284	-39.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-11.7	108	-111%
Vốn chủ sở hữu	-11.7	108	-111%
Vốn điều lệ	85.0	85.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

